

Số/No: /PBHC-PCTT

*Tp. Hồ Chí Minh,
Ho Chi Minh City, July 30, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

V/v: Nghị quyết Hội đồng quản trị về kế hoạch SXKD 5 năm 2026-2030
*Re: Resolution of the Board of Directors on the 5-year Production and Business
Plan for 2026–2030*

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP/ *Petrovietnam Fertilizer & Chemicals Corporation (PVFCCo)*.
 - Mã chứng khoán/*Stock symbol*: DPM
 - Trụ sở chính/*Address*: 43 Mạc Đình Chi, P. Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh/*43 Mac Dinh Chi Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*
 - Điện thoại/*Tel*: 028 - 3825 6258; Fax: 028- 3825 6269

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Căn cứ Nghị quyết số 26 - 3015/NQ-PBHC ngày 29/07/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) về việc thông qua Kế hoạch Sản xuất, kinh doanh 5 năm (2026-2030) của PVFCCo, Tổng công ty công bố thông tin về nội dung như đính kèm./ *Pursuant to Resolution No. 26-3015/NQ-PBHC dated July 29, 2026 of the Board of Directors on the Production and Business Plan for 2026–2030 of PVFCCo, the Corporation hereby announces theo Resolution as attached.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty từ ngày 30/07/2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the Corporation's website on July 30, 2026, as in the link: <https://dpm.vn/cong-bo-thong-tin/>*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên (ECM)/*As above*;
- HĐQT, TGD, BKS/*BOD, CEO, SB*;
- Ban: TCKT, TTTT/*Related Divisions*;
- Lưu: VT, TH, PCTT (TTV)/*For filing*.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết số 26-3015/NQ-PBHC/
Resolution No 26-3015/NQ-PBHC.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG
BỐ THÔNG TIN/ PERSON AUTHORIZED TO
DISCLOSE INFORMATION**

Trương Thế Vinh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26-3015 /NQ-PBHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**V/v phê duyệt và giao kế hoạch hoạt động SXKD 5 năm 2026-2030
của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo);
- Căn cứ Nghị quyết số 2788/NQ-CNNL ngày 10/4/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng – Quốc gia Việt Nam về việc chấp thuận kế hoạch hoạt động SXKD 5 năm 2026-2030 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo);
- Xét đề xuất của Tổng giám đốc Tổng công ty tại công văn số 26-1630/PBHC-KHĐT ngày 08/06/2026 về việc phê duyệt và giao KH SXKD 5 năm 2026-2030 của Tổng công ty và căn cứ ý kiến của các thành viên HĐQT tại Biên bản số 62/BB-HĐQT-26 ngày 27/7/2026,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Phê duyệt và giao Kế hoạch sản xuất, kinh doanh 5 năm 2026-2030 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP với nội dung theo **Phụ lục** đính kèm.
- Điều 2.** Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm giao nhiệm vụ, kế hoạch triển khai cho các ban/đơn vị trực thuộc Tổng công ty và chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo nội dung được chấp thuận tại **Điều 1**.
- Điều 3.** Tổng giám đốc, Thủ trưởng các Ban, Văn phòng, Chi nhánh trong Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Thư ký TCT;
- Lưu VT, TH (tlt).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT



Võ Thị Thanh Ngọc



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH 5 NĂM 2026 – 2030

CỦA TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP (PVFCCo)

(Kèm theo Nghị quyết số 26-3015 /NQ-PBHC ngày 29 / 7/2026
của HĐQT TCT)

1 QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.

- Phát triển Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) thành Doanh nghiệp Phân bón và Hóa chất đạt chuẩn mực quốc tế, tạo nên chuỗi giá trị phát triển bền vững.
- Luôn tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng nhằm gia tăng giá trị, lợi ích bền vững cho khách hàng, đối tác, cổ đông và người lao động.
- Giá trị cốt lõi: Sáng tạo, Chuyên nghiệp, Hiệu quả, Sẻ chia và Bền vững.

2 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.

2.1 Mục tiêu tổng quát.

- Duy trì vị thế là Nhà sản xuất phân bón hàng đầu Việt Nam.
- Đẩy mạnh mở rộng hoạt động lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản, chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, nguồn lực để tham gia lĩnh vực hóa dầu, hóa chất từ khí.
- Phấn đấu đến năm 2030, PVFCCo đạt doanh thu 1,1 tỷ đô la Mỹ trở lên.

2.2 Mục tiêu cụ thể.

a) Lĩnh vực sản xuất.

- Đảm bảo Nhà máy Đạm Phú Mỹ vận hành an toàn, hiệu quả. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao.
- Tối ưu năng lực sản xuất từ cụm Nhà máy Đạm Phú Mỹ gồm các sản phẩm: Urea, NPK, UFC-85, NH₃, CO₂.
- Kiểm soát và thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất.
- Triển khai công tác chuẩn bị và vận hành các dự án mới H₂O₂, DEF, Off-gas,...
- Thử nghiệm sản xuất Alumina cao cấp sử dụng hóa chất sản xuất trên cơ sở công nghệ của Nhà máy.

b) Lĩnh vực kinh doanh.

- Giữ vững thị phần phân bón Urea Phú Mỹ, tăng dần sản lượng kinh doanh NPK Phú Mỹ, các sản phẩm phân bón và hóa chất khác qua từng năm.
- Áp dụng mô hình kinh doanh mới để gia tăng hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất. Nâng cao hình ảnh thương hiệu của PVFCCo về phân bón và hóa chất.

c) Lĩnh vực đầu tư.

- Triển khai đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm H₂O₂, DEF, Off-gas, Melamine, H₂SO₄ đảm bảo đúng/vượt tiến độ, sớm đưa vào vận hành thương mại. Thực hiện giải ngân ĐTXDCB theo kế hoạch đề ra.
- Hoàn thành đầu tư kho/cảng khu vực NM để hỗ trợ hoạt động logistics các sản phẩm phân bón và hóa chất.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược M&A của PVFCCo và triển khai thực hiện thành công ít nhất 2 hoạt động M&A trong lĩnh vực phân bón và hóa chất.
- Nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án mới về hóa dầu, hóa chất từ khí. Từ kết quả các báo cáo cơ hội đầu tư dự án nâng công suất xưởng Urea, dự án CO₂ thương phẩm giai đoạn 2 để vận hành lại cụm CRU,... xây dựng kế hoạch triển khai đầu tư nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động của Nhà máy.

d) Lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và bảo vệ môi trường.

- Hoàn thành xây dựng chiến lược ESG và triển khai thực hiện đáp ứng các mục tiêu về ESG đến năm 2030.
- Thúc đẩy công tác chuyển đổi số. Triển khai vận hành hệ thống ERP và HPM sau nâng cấp. Hoàn thành các mục tiêu chiến lược về chuyển đổi số đến năm 2030.
- Triển khai thành công TMS, DMS.
- Sử dụng hiệu quả quỹ khoa học công nghệ hàng năm, công tác KHCN có đóng góp thực tế vào sự phát triển của PVFCCo.

e) Lĩnh vực quản lý, tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực.

- Hoàn thiện và ổn định bộ máy tổ chức của PVFCCo theo hướng hiện đại, phù hợp xu hướng của thế giới/chuẩn quốc tế. Cụ thể:
- Hoàn thành các mục tiêu về đào tạo. Thực hiện đào tạo lại để đáp ứng tiêu chuẩn về khung năng lực về các vị trí công việc.
- Hoàn thiện hệ thống chuyên gia, có cơ chế, chính sách lương thưởng minh bạch, khuyến khích người lao động phát huy khả năng và gắn bó với Công ty.
- Đáp ứng đủ nhu cầu nhân sự cho các dự án mới của PVFCCo.

f) Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Tiếp tục sắp xếp các Ban/VP PVFCCo theo hướng tinh gọn, tối ưu hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh trên cơ sở đánh giá, phân tích kết quả thực hiện đến hết năm 2025.
- Kien toan Trung tam nghien cuu va Ung dung, tap trung nghien cuu cac san pham hoa chat, hoa dau moi, cai thien hieu nang cua Nha may DPM.
- Chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh kinh doanh hóa chất phù hợp với chiến lược phát triển trong lĩnh vực hóa chất của PVFCCo.

3 CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030		Tăng trưởng bình quân (%)
			Tổng giai đoạn	Năm 2030	
A	CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng sản xuất	Nghìn tấn	6.930 - 7.068	2.230,1	16,4 - 16,7%
1.1	Urea Phú Mỹ quy đổi	Nghìn tấn	4.613 - 4.706	886,5	
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	1.000 - 1.020	220,0	1,6 - 1,9%
1.3	UFC-85/Formalin	Nghìn tấn	57 - 58	12,0	1,1 - 1,5%
1.4	CO2	Nghìn tấn	60 - 61	60,0	
1.5	Sản phẩm hóa chất mới	Nghìn tấn	1.199 - 1.223	1.051,6	342,3%
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn tấn	10.602 - 10.814	3.355,1	17,9 - 18,7%
2.1	Sản phẩm PVFCCo sản xuất	Nghìn tấn	6.831 - 6.968	2.195,3	17,4 - 17,8%
2.1.1	Urea Phú Mỹ/Urea Phú Mỹ ++	Nghìn tấn	4.030 - 4.118	766,0	
2.1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	1.000 - 1.020	220,0	
2.1.3	NH3	Nghìn tấn	289 - 295	55,0	
2.1.4	UFC-85/Formalin	Nghìn tấn	42,5 - 43,4	8,5	
2.1.5	CO2	Nghìn tấn	286 - 291	105,0	
2.1.6	Sản phẩm hóa chất mới	Nghìn tấn	1.177 - 1.200	1.040,8	400 - 402%
2.2	Sản phẩm thương mại	Nghìn tấn	3.770 - 3.886	1.159,8	22,0 - 22,4%
B	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT PVFCCo				
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	20.837 - 21.220	20.837,0	5,0 - 5,4%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.686 - 10.900	10.686,0	
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	113.680- 115.950	31.220,0	14,1 - 14,6%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.989 - 5.088	1.850,0	21,3 - 21,6%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.993 - 4.075	1.480,0	21,6 - 21,9%
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	1.919 - 1.957	626,0	10,4 - 10,6%
7	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,36	7,23	14,6%
8	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	7,64	14,13	22,5%
C	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ (Công ty mẹ - PVFCCo)				
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	11.690	1.343,1	55,4%

No: 26-3015 /NQ-PBHC

Ho Chi Minh City, Day 29 Month 7 Year 2026

RESOLUTION

**Re: Approval and Assignment of the Five-Year Production and Business Plan
(2026–2030)
of Petrovietnam Fertilizer and Chemicals Corporation (PVFCCo)**

BOARD OF DIRECTORS

PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS CORPORATION

- Pursuant to the current Charter of Petrovietnam Fertilizer and Chemicals Corporation – (PVFCCo);
- Pursuant to Resolution No. 2788/NQ-CNNL dated April 10, 2026 of the Board of Members of Vietnam National Industry – Energy Group regarding the approval of the Five-Year Production and Business Plan (2026-2030) of Petrovietnam Fertilizer and Chemicals Corporation (PVFCCo);
- Considering the proposal of the General Director of the Corporation in Official Letter No. 26-1630/PBHC-KHĐT dated June 08, 2026 regarding the approval and assignment of the Five-Year Production and Business Plan (2026–2030) of the Corporation; and based on the opinions of the Members of the Board of Directors in Minutes No. 62/BB-HĐQT-26 dated July 27, 2026,

RESOLVES:

- Article 1.** To approve and assign the Five-year production and business plan (2026–2030) of Petrovietnam Fertilizer and Chemicals Corporation (PVFCCo), with details as set out in the attached **Appendix**.
- Article 2.** The General Director of the Corporation shall be responsible for assigning tasks and implementation plans to the departments/units under the Corporation, and for directing and organizing the implementation in accordance with the contents approved in **Article 1**.
- Article 3.** The General Director, Heads of Departments, Office, and Branches under the Corporation shall be responsible for the implementation of this **Resolution**./

Recipients:

- As in Article 3;
- Board of Directors, Board of Management, Board of Supervisors;
- Secretary of the Corporation;
- Admin, TH (tlt).

**ON BEHALF OF THE BOARD OF
DIRECTORS
MEMBER OF THE BOD**



Ký bởi: VÕ THỊ THANH NGỌC
Ngày ký: 29/07/2026 10:27:33

Võ Thị Thanh Ngọc



APPENDIX 1

THE FIVE-YEAR PLAN (2026–2030)

OF PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS CORPORATION (PVFCCo)

(Attached to Resolution No. 26-3015 /NQ-PBHC dated 29 /7/2026 of the Board of Directors)

1 DEVELOPMENT VIEWPOINT.

- Develop Petrovietnam Fertilizer and Chemicals Corporation (PVFCCo) into a fertilizer and chemicals enterprise meeting international standards, thereby creating a sustainable value chain for development.
- Consistently deliver high-quality products and services to enhance value and generate sustainable benefits for customers, partners, shareholders, and employees.
- Core values: Innovation, Professionalism, Efficiency, Sharing, and Sustainability.

2 DEVELOPMENT OBJECTIVES.

2.1 General Objectives.

- Maintain its position as a leading fertilizer manufacturer in Vietnam.
- Promote the expansion of operations in the basic chemicals production sector, while proactively preparing adequate conditions and resources to participate in the petrochemical and gas-based chemicals sectors.
- Strive to achieve revenue of USD 1.1 billion or more by 2030.

2.2 Specific Objectives.

a) Production Sector.

- Ensure the safe and efficient operation of the Phu My Fertilizer Plant, while continuously improving product quality.
- Optimize the production capacity of the Phu My Fertilizer Plant complex, including Urea, NPK, UFC-85, NH_3 , and CO_2 .
- Control and implement solutions to reduce production costs.
- Carry out preparatory work and operate new projects, including H_2O_2 , DEF, Off-gas, etc.
- Conduct pilot production of high-grade Alumina using chemicals developed from the Plant's technology platform.

b) Business Sector.

- Maintain the market share of Phu My Urea fertilizer, while gradually increasing sales volume of Phu My NPK and other fertilizer and chemical products on an annual basis.
- Apply new business models to enhance the efficiency of fertilizer and chemical operations, while strengthening PVFCCo's brand image in fertilizers and chemicals.

c) Investment Sector.

- Implement the investment and construction of key projects, including H₂O₂, DEF, Off-gas, Melamine, and H₂SO₄, ensuring that the projects are implemented on schedule or ahead of schedule, and achieve early commercial operation; execute capital disbursement for construction investment in accordance with the approved plan.
- Complete the investment in warehouse and port facilities within the plant area to support logistics activities for fertilizer and chemical products.
- Finalize the M&A strategy of PVFCCo and successfully execute at least two (02) M&A transactions in the fertilizer and chemicals sector.
- Research investment opportunities in new petrochemical and gas-based chemical projects; based on the results of investment opportunity assessments for projects such as Urea plant capacity expansion and Phase 2 commercial CO₂ for the restart of the CRU complex, develop implementation plans to optimize the Plant's operational efficiency.

d) Science, Technology, Digital Transformation and Environmental Protection Sector.

- Complete the formulation of the ESG strategy and implement it to achieve ESG targets by 2030.
- Promote digital transformation; deploy and put into operation the upgraded ERP and HPM systems; complete the strategic objectives for digital transformation by 2030.
- Successfully implement the TMS and DMS systems.
- Utilize the annual science and technology fund effectively, ensuring that science and technology activities contribute practically to the development of PVFCCo.

e) Management, Organization and Human Resource Development Sector.

- Complete and stabilize the organizational structure of PVFCCo in a modern manner, aligned with international trends and standards. Specifically:
- Fulfill training objectives; implement training and retraining programs to meet competency framework requirements for each position.
- Develop and enhance the expert system, with transparent compensation and remuneration policies to encourage employees to maximize their capabilities and maintain long-term commitment to the Corporation.
- Ensure adequate human resources to meet the requirements of PVFCCo's new projects.

f) Corporate Restructuring.

- Continue to reorganize PVFCCo's departments toward a lean structure and enhanced operational efficiency.
- Further refine the business model based on the assessment and analysis of performance results up to the end of 2025.
- Consolidate the Research and Application Center, focusing on the development of new chemical and petrochemical products and improving the operational performance of the Phu My Fertilizer Plant.
- Transform the operating model of the Petrochemicals Trading Branch in alignment with PVFCCo's strategic development plan in the chemicals sector.

3 KEY TARGETS OF 5-YEAR PLAN 2026-2030

No.	Item	Unit	Five-Year Plan for 2026–2030		Average Annual Growth Rate (%)
			Total	Plan 2030	
A	Volume Targets				
1	Production Output	Thousand tons	6,930 – 7,068	2,230.1	16.4 – 16.7%
1.1	Phu My Urea	Thousand tons	4,613 – 4,706	886.5	
1.2	Phu My NPK	Thousand tons	1,000 – 1,020	220.0	1.6 – 1.9%
1.3	UFC-85/Formalin	Thousand tons	57 - 58	12.0	1.1 – 1.5%
1.4	CO ₂	Thousand tons	60 - 61	60.0	
1.5	New chemical products	Thousand tons	1,199 – 1,223	1,051.6	342.3%
2	Sales Volume	Thousand tons	10,602 – 10,814	3,355.1	17.9 – 18.7%
2.1	<i>PVFCCo Manufactured Products</i>	Thousand tons	<i>6,831 – 6,968</i>	<i>2,195.3</i>	<i>17.4 – 17.8%</i>
2.1.1	Phu My Urea / Phu My Urea++	Thousand tons	4,030 – 4,118	766.0	
2.1.2	Phu My NPK	Thousand tons	1,000 – 1,020	220.0	
2.1.3	NH ₃	Thousand tons	289 - 295	55.0	
2.1.4	UFC-85/Formalin	Thousand tons	42.5 – 43.4	8.5	
2.1.5	CO ₂	Thousand tons	286 - 291	105.0	
2.1.6	New chemical products	Thousand tons	1,177 – 1,200	1,040.8	400 - 402%
2.2	<i>Trading Products</i>	Thousand tons	<i>3,770 – 3,886</i>	<i>1,159.8</i>	<i>22.0 – 22.4%</i>
B	Consolidated Financial Targets				
1	Total Assets	VND billion	20,837 – 21,220	20,837.0	5.0 – 5.4%
2	Owners' Equity	VND billion	10,686 – 10,900	10,686.0	
3	Total Revenue	VND billion	113,680 – 115,950	31,220.0	14.1 – 14.6%
4	Profit Before Tax	<i>VND billion</i>	4,989 – 5,088	1,850.0	21.3 – 21.6%
5	Profit After Tax	<i>VND billion</i>	3,993 – 4,075	1,480.0	21.6 – 21.9%
6	State Budget Contribution	<i>VND billion</i>	1,919 – 1,957	626.0	10.4 – 10.6%
7	Ratio of Profit after Tax/Total Assets (ROA)	%	4.36	7.23	14.6%
8	Ratio of Profit after Tax/Average Owner's equity (ROE)	%	7.64	14.13	22.5%
C	Investment Targets (Parent Company – PVFCCo)				
1	Investment disbursement Capex	VND billion	11,690	1,343.1	55.4%